

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP A2**

**Số tín chỉ: 03**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Kế toán**

**Năm 2020**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Kế toán**

- Tên học phần:** Kế toán doanh nghiệp A2
- Mã học phần:** KTOAN 019
- Số tín chỉ:** 3 (2, 1)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ ba
- Phân bổ thời gian**
  - **Lên lớp:** 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành.
  - **Tự học:** 90 giờ.
- Điều kiện tiên quyết:** Học xong môn Kế toán doanh nghiệp A1.
- Giảng viên**

| <b>STT</b> | <b>Học hàm, học vị, họ tên</b> | <b>Số điện thoại</b> | <b>Email</b>             |
|------------|--------------------------------|----------------------|--------------------------|
| 1          | ThS. Vũ Thị Lý                 | 0976.365.265         | lyvu1985@gmail.com       |
| 2          | ThS. Đinh Thị Kim Thiết        | 0389.037.289         | duongkhanh2010@gmail.com |
| 3          | ThS. Nguyễn Thị Quỳnh          | 0977.567.238         | quynhnguyenneu@gmail.com |

### **8. Mô tả nội dung của học phần**

Kế toán doanh nghiệp A2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ đối với kế toán tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính; kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

### **9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

#### **9.1. Mục tiêu**

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

| <b>Mục tiêu</b> | <b>Mô tả</b>   | <b>Mức độ theo thang đo Bloom</b> | <b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b> |
|-----------------|--|-----------------------------------|---|
| <b>MT1</b>      | <b>Kiến thức</b>   |                                   |   |
| MT1.1           | Trình bày được các loại chứng từ, tài khoản sử dụng và các phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn | 3                                 | [1.2.1.2a]                                  |
| MT1.2           | Trình bày được các loại chứng từ, tài khoản sử dụng và các phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ.      | 3                                 |   |

| <b>Mục tiêu</b> | <b>Mô tả</b>  | <b>Mức độ theo thang đo Bloom</b> | <b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b> |
|-----------------|---|-----------------------------------|---|
| <b>MT2</b>      | <b>Kỹ năng</b>  |                                   |   |
| MT2.1           | Có khả năng nhận diện chứng từ, tài khoản kế toán liên quan đến tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.  | 3                                 | [1.2.2.1]                                   |
| MT2.2           | Có kỹ năng lập chứng từ kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn; nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán khác nhau tại các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội. | 3                                 |   |
| MT2.3           | Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến ngành Kế toán.   | 4                                 | [1.2.2.3]                                   |
| <b>MT3</b>      | <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>  |                                   |   |
| MT3.1           | Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.   | 4                                 | [1.2.3.1]                                   |
| MT3.2           | Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.  | 4                                 |   |

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| <b>CDR học phần</b> | <b>Mô tả</b>   | <b>Thang đo Bloom</b> | <b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b> |
|---------------------|--|-----------------------|--|
| <b>CDR1</b>         | <b>Kiến thức</b>   |                       |  |
| CDR1.1              | Hiểu được các nguyên tắc kế toán, nội dung, kết cấu của các tài khoản kế toán.   | 2                     | [2.1.4]                                |
| CDR1.2              | Nhận diện được các chứng từ kế toán có liên quan đến tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn; nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ trong hoạt động của doanh nghiệp. | 3                     |  |
| CDR1.3              | Xác định được các tài khoản kế toán tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ  | 3                     |  |

| <b>CDR học phần</b> | <b>Mô tả</b>  | <b>Thang đo Bloom</b> | <b>Phân bố CDR học phần trong CTĐT</b> |
|---------------------|---|-----------------------|--|
| CĐR1.4              | Nhận biết được sổ sách kế toán các tài khoản liên quan theo từng hình thức kế toán và hiểu được quy trình ghi sổ chung đối với các hình thức kế toán.   | 3                     | [2.1.6]                                |
| <b>CĐR2</b>         | <b>Kỹ năng</b>  |                       |  |
| CĐR2.1              | Lập được một số chứng từ và định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác, các khoản nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ,... trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau.      | 3                     | [2.2.1]                                |
| CĐR2.2              | Ghi được một số loại sổ kế toán bằng tay, trên máy tính liên quan đến tài sản cố định, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác, các khoản nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và luật kế toán hiện hành. | 3                     | [2.2.5]                                |
| CĐR2.3              | Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Truyền đạt được vấn đề và giải pháp chuyên môn tới người khác trong việc thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực kế toán.   | 4                     | [2.2.7]                                |
| <b>CĐR3</b>         | <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>  |                       |  |
| CĐR3.1              | Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.   | 4                     | [2.3.1]                                |
| CĐR3.2              | Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.  | 4                     | [2.3.2]                                |

**10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần**

| Chương | Nội dung học phần  | Chuẩn đầu ra của học phần |            |            |            |            |            |            |            |
|--------|--|---------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|        |  | CDR1                      |            |            |            | CDR2       |            | CDR3       |            |
|        |  | CDR<br>1.1                | CDR<br>1.2 | CDR<br>1.3 | CDR<br>1.4 | CDR<br>2.1 | CDR<br>2.2 | CDR<br>3.1 | CDR<br>3.2 |
| 1      | <p><b>Chương 1. Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ</b></p> <p>1.1. Những vấn đề chung về hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.2. Phân loại và nguyên tắc đánh giá vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.3. Kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.4. Kế toán tổng hợp vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.5. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho</p>  | x                         | x          | x          | x          | x          | x          | x          | x          |
| 2      | <p><b>Chương 2. Kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn</b></p> <p>2.1. Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định</p> <p>2.2. Phân loại và đánh giá tài sản cố định</p> <p>2.3. Kế toán chi tiết tài sản cố định</p> <p>2.4. Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định</p> <p>2.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định</p> <p>2.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định</p> <p>2.7. Kế toán tài sản cố định thuê ngoài</p> <p>2.8. Kế toán bất động sản đầu tư</p> <p>2.9. Kế toán các khoản đầu tư dài hạn</p> <p>2.10. Kế toán chi phí trả trước</p> <p>2.11. Kế toán ký quỹ, ký cược</p> | x                         | x          | x          | x          | x          | x          | x          | x          |

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

| Chuẩn đầu ra | Mức độ thành thạo được đánh giá bởi   |
|--------------|---|
| CĐR1         | Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.                    |
| CĐR2         | Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần. |
| CĐR3         | Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, thi kết thúc học phần.                 |

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

| STT | Điểm thành phần  | Quy định | Trọng số | Ghi chú                              |
|-----|--|----------|----------|--------------------------------------|
| 1   | Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần | 01 điểm  | 20%      | Điểm trung bình của các lần đánh giá |
| 2   | Điểm kiểm tra giữa học phần  | 01 điểm  | 30%      |                                      |
| 3   | Điểm thi kết thúc học phần   | 01 điểm  | 50%      |                                      |

### 11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp, thực hành.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

## 12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Máy tính, vở ghi, bút, thước kẻ, ...

## 13. Tài liệu phục vụ học phần

### - Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Sao Đỏ (2019), *Kế toán doanh nghiệp A2*.

### - Tài liệu tham khảo

[2] PGS.TS. Võ Văn Nhị, (2018), *Kế toán tài chính*, NXB Tài chính.

[3] Bộ tài chính (2014), *Thông tư 200/TT- BTC* ban hành ngày 22/12/2014.

#### 14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

| TT | Nội dung giảng dạy   | Số tiết               | Phương pháp dạy - học  | CĐR học phần   |
|----|--|-----------------------|--|--|
| 1  | <p><b>Chương 1. Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ</b><br/> <b>Mục tiêu chương:</b> Trình bày được khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; xác định được giá xuất kho theo các phương pháp và định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>1.1. Những vấn đề chung về hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.2. Phân loại và nguyên tắc đánh giá vật liệu, công cụ dụng cụ.</p> <p>1.3. Kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.4. Kế toán tổng hợp vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>1.5. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho</p> <p><b>Bài thực hành số 01:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định trị giá xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ theo các phương pháp tính đơn giá xuất kho.</li> <li>- Căn cứ vào phương pháp tính giá, ghi sổ kế toán chi tiết vật liệu, công cụ, dụng cụ.</li> </ul> <p><b>Bài thực hành số 2:</b> Định khoản và ghi sổ cái tài khoản 152, 153.</p> <p><b>Bài thực hành số 3:</b> Ghi sổ chi tiết tài khoản 152, 153, nhật ký chung và sổ cái tài khoản 152, 153.</p> <p><b>Bài thực hành số 4:</b> Định khoản và ghi sổ cái tài khoản 611.</p> <p><b>Bài thực hành số 5:</b> Ghi sổ nhật ký chung và ghi sổ cái tài khoản 229.</p> | 24<br>(12LT,<br>12TH) | <p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Phương pháp giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thuyết trình, đàm thoại làm rõ nội dung.</li> <li>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.</li> <li>+ Giao nhiệm vụ cho các nhóm: Tìm hiểu các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau.</li> <li>+ Hướng dẫn thực hành, thao tác mẫu.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:<br/>[1]: Chương 1;<br/>[2]: Chương 3: Trang 91 - 137<br/>[3]: TK 152, 153, 611, 229</li> <li>+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.</li> <li>+ Thực hiện nhiệm vụ theo các nhóm.</li> <li>+ Thực hành theo hướng dẫn của giảng viên.</li> </ul> | CĐR 1.1,<br>CĐR 1.2,<br>CĐR 1.3,<br>CĐR 1.4,<br>CĐR 2.1,<br>CĐR 2.2,<br>CĐR 2.3,<br>CĐR 3.1,<br>CĐR 3.2. |

| TT | Nội dung giảng dạy   | Số tiết                                 | Phương pháp dạy - học  | CDR học phần  |
|----|--|---|--|---|
| 2  | <p><b>Chương 2. Kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn</b></p> <p><b>Mục tiêu chương:</b> Trình bày được khái niệm, đặc điểm, tiêu chuẩn ghi nhận của tài sản cố định; nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn; định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn; lập được bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>2.1. Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định</p> <p>2.2. Phân loại và đánh giá tài sản cố định</p> <p>2.3. Kế toán chi tiết tài sản cố định</p> <p>2.4. Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định</p> <p>2.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định</p> <p>2.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định</p> <p>2.7. Kế toán tài sản cố định thuê ngoài</p> <p>2.8. Kế toán bất động sản đầu tư</p> <p>2.9. Kế toán các khoản đầu tư dài hạn</p> <p>2.10. Kế toán chi phí trả trước</p> <p>2.11. Kế toán ký quỹ, ký cược</p> <p><b>Bài thực hành số 6:</b> Định khoản và ghi sổ chi tiết, ghi sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 211.</p> | <p>36<br/>(16LT,<br/>18TH,<br/>2KT)</p> | <p><b>Thuyết trình; đàm thoại</b></p> <p><b>Phương pháp giải quyết vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thuyết trình, đàm thoại.</li> <li>+ Nêu vấn đề cần giải quyết, thảo luận.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề cho các nhóm.</li> <li>+ Hướng dẫn thực hành, thao tác mẫu.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> <li>[1]: Chương 2;</li> <li>[2]: Chương 2, mục 3 trang 78 - 90 và chương 4: Trang 138 - 193.</li> <li>[3]: Chương II, Điều 11 - Điều 22.</li> <li>+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.</li> <li>+ Làm bài tập cá nhân, thực hiện chủ đề theo nhóm.</li> <li>+ Làm bài kiểm tra.</li> <li>+ Thực hành theo hướng dẫn của giảng viên.</li> </ul> | <p>CDR 1.1,<br/>CDR 1.2,<br/>CDR 1.3,<br/>CDR 1.4,<br/>CDR 2.1,<br/>CDR 2.2,<br/>CDR 2.3,<br/>CDR 3.1,<br/>CDR 3.2.</p> |



| TT | Nội dung giảng dạy   | Số tiết | Phương pháp dạy - học | CDR học phần |
|----|--|---------|-----------------------|--------------|
|    | <p><b>Bài thực hành số 7:</b> Lập bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định; sổ khấu hao tài sản cố định.</p> <p><b>Bài thực hành số 8:</b> Định khoản, ghi sổ tài khoản 2413.</p> <p><b>Bài thực hành số 9:</b> Ghi sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 221.</p> <p><b>Bài thực hành số 10:</b> Ghi sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 222, 228.</p> <p><b>Bài thực hành số 11:</b> Ghi sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản 242, 244.</p> |         |                       |              |

Hải Dương, ngày 24 tháng 09 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Minh Tuấn

Đinh Thị Kim Thiết